

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoàn

2. Ông Trịnh Văn Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1979, nơi ĐKKHKT: thôn Li, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; hiện cư trú tại: thôn 2, xã Y, huyện Y Đ, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1978, cư trú tại: thôn Li, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện YĐ vào ngày 19/9/2000. Sau khi kết hôn tình cảm

vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nên chị đã bỏ nhà đi làm ăn và từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Vợ chồng đã ly thân 10 năm nay, nhưng tính tình anh L vẫn không thay đổi, thường xuyên chửi mắng và vũ phu với vợ. Nay chị xác định không còn tình cảm và mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị S xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Huy G, sinh ngày 12/8/2001 và cháu Trịnh Huy Th, sinh ngày 18/10/2004. Hiện tại cả hai con đang ở với anh L. Quan điểm của chị là xin được trực tiếp nuôi cháu Th và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng; còn cháu G đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trịnh Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện YĐ vào ngày 19/9/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì tự nhiên chị S bỏ đi, anh không biết đi đâu và vì lý do gì mà bỏ đi. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ thi thoảng có lời qua tiếng lại. Vợ chồng ly thân từ thời điểm năm 2012 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không muốn con cái thiếu mẹ, nên anh không đồng ý ly hôn, mà đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: anh L xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Huy G, sinh ngày 12/8/2001 và cháu Trịnh Huy Th, sinh ngày 18/10/2004. Hiện tại cả hai con đang ở với anh. Quan điểm của anh L là cháu G đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Th anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2020 cháu Trịnh Huy Th có ý kiến: không muốn bố mẹ ly hôn và cháu muốn ở với cả bố và mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về

hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn với anh Trịnh Văn L. Về con chung: giao cháu Trịnh Huy Th cho anh Trịnh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Trịnh Huy G đã trưởng thành, nên không xem xét; Chị Đỗ Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ: không xem xét. Về án phí: chị Đỗ Thị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị S khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Trịnh Văn L, cư trú tại: thôn Li, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Đỗ Thị S và bị đơn là anh Trịnh Văn L vắng mặt, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đỗ Thị S và anh Trịnh Văn L tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện YĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2000, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt gia đình; đến năm 2012 thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, chị S đã bỏ nhà đi làm ăn, con anh L không biết chị S đi đâu và vì lý do gì lại bỏ đi. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị S một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh L có ý kiến không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh L không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị S, xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn với anh Trịnh Văn L.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị S và anh Trịnh Văn L đều xác định có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Huy G, sinh ngày 12/8/2001 và cháu Trịnh Huy Th, sinh ngày 18/10/2004. Hiện tại cả hai con chung đang ở với anh L.

Chị S và anh L đều xác định cháu Trịnh Huy G đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét. Đối với cháu Trịnh Huy Th đang ở độ tuổi chưa thành niên, nên cần thiết phải giao cho một bên trực tiếp nuôi

dưỡng. Xét cả chị S và anh L đều có nguyên vọng xin được nuôi cháu Th, tuy nhiên cháu Th hiện tại đang ở ổn định với anh L từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay, được anh L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và anh L có đủ các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao cháu Trịnh Huy Th cho anh Trịnh Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh L không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng, xét đây là sự tự nguyện của anh L, do đó Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị S và anh Trịnh Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị S được ly hôn với anh Trịnh Văn L.

2. *Về con chung:* Chị Đỗ Thị S và anh Trịnh Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Huy G, sinh ngày 12/8/2001 và cháu Trịnh Huy Th, sinh ngày 18/10/2004.

Giao cháu Trịnh Huy Th cho anh Trịnh Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Đỗ Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Trịnh Huy G đã trưởng thành, nên không xem xét.

Chị Đỗ Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị S đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004839 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Đỗ Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Y, H. Y Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến